

ABANK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015



TP.HCM, tháng 04 năm 2016

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÓM TẮT	1
BÁO CÁO CHI TIẾT	6
A. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG	6
I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI & VIỆT NAM NĂM 2015	6
II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG VIỆT NAM 2015	7
B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015	8
I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH	8
II. KẾT QUẢ VỀ KHÁCH HÀNG – ĐỐI NGOẠI	13
1. Khách hàng cá nhân	13
2. Khách hàng doanh nghiệp	15
3. Hoạt động đầu tư và liên ngân hàng	17
4. Hoạt động phát triển mạng lưới và thương hiệu	18
III. KẾT QUẢ VỀ VẬN HÀNH – TỔ CHỨC	21
1. Quản lý tín dụng	21
2. Công tác Xử lý nợ	21
3. Quản lý rủi ro	22
4. Quản lý vận hành	23
5. Tiến độ thực hiện 5 mục tiêu và 20 sáng kiến chiến lược	25
6. Quản lý Công nghệ thông tin	26
7. Tài chính kế toán	28
III. KẾT QUẢ VỀ HỌC TẬP – PHÁT TRIỂN	28
1. Số liệu chung về Quản lý nguồn nhân lực	28
2. Các hoạt động chính đã triển khai trong năm 2015	28
3. Đánh giá các kết quả chính	30

BÁO CÁO TÓM TẮT*Tóm tắt tổng quan thị trường và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của ABBANK*

Nền kinh tế toàn cầu trong năm 2015 nhìn chung vẫn chưa bước ra khỏi thời kỳ suy thoái và còn tồn tại nhiều bất ổn, với GDP ước đạt 3,1% (theo IMF). Bên cạnh các quan ngại tác động lớn đến kinh tế toàn cầu như cuộc chiến trừng phạt kinh tế giữa phương Tây và Nga, khủng hoảng nợ Hy Lạp, thị trường chứng khoán Trung quốc sụt giảm, sự phá giá đồng nhân dân tệ, Fed tăng lãi suất cơ bản tối thiểu thêm 0,25% sau một thập kỷ, theo đó mức lãi suất mới mà Mỹ áp dụng sẽ dao động từ 0,25-0,5%... thì việc hoàn tất đàm phán hiệp định TTP kết thúc sau 5 năm được xem là tâm điểm tích cực và kỳ vọng sẽ mang lại nhiều điểm sáng chung của nền kinh tế thế giới.

Khắc phục các khó khăn, Kinh tế Việt Nam được duy trì ổn định và tiếp đà tăng trưởng khá hơn trong năm 2015 với GDP đạt 6,68%, cao nhất kể từ năm 2011 và lạm phát được kiểm soát tốt chỉ đạt 0,6% - thấp kỷ lục trong 14 năm gần đây. Theo đó, hoạt động ngành ngân hàng năm 2015 cũng đạt nhiều thành tựu khả quan với mức tăng trưởng tín dụng đạt ấn tượng gần 18%, tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống đã đưa về mức dưới 3%, chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ và minh bạch hơn, chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt, mặt bằng lãi suất duy trì ổn định, ...

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế trong nước, hoạt động ABBANK năm 2015 đã đạt được các thành tựu nhất định. Tính đến hết tháng 12/2015, Tổng tài sản đạt 64.662 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2014 và đạt 91% kế hoạch năm 2015, do chủ trương chủ động giảm quy mô kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng khi một số ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt và giám sát chặt chẽ bởi NHNN. Tổng huy động vốn trên thị trường 1 đạt 47.881 tỷ đồng, tương ứng 103% kế hoạch 2015. Tổng dư nợ trên thị trường 1 đạt 30.915 tỷ đồng, tăng 19% so với cuối năm 2014, và tương ứng 108% kế hoạch năm 2015.

Tổng Thu nhập hoạt động trong năm 2015 đạt 1.966,6 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2014 và đạt 104% kế hoạch. Lợi nhuận trước DPRRTD (Dự phòng rủi ro tín dụng) trong năm 2015 của ABBANK đạt 770,9 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2014, và đạt 106% kế hoạch năm 2015. Tại ĐHCĐ năm 2015, ABBANK đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế là 300 tỷ đồng trên kịch bản tỷ lệ trích trái phiếu VAMC là 10%, tuy nhiên theo yêu cầu của NHNN trong năm 2015, thì tỷ lệ trích TP VAMC phải là 20%, nên tổng chi phí DPRRTD và dự phòng trái phiếu VAMC trong năm 2015 lên đến gần 663,2 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2015 của ABBANK đạt 107,7 tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu tỷ lệ trích VAMC chỉ 10%, thì LNTT năm 2015 đạt 323,9 tỷ đồng, vượt 8% so với kế hoạch 2015 được ĐHCĐ phê duyệt ngày 27/04/2015, và tăng 73% so với năm 2014.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện		Kế hoạch	So với thực hiện 2014		So với Kế hoạch 2015	
	N.2015	N.2014	N.2015	+/-	%	+/-	%
Tổng tài sản	64.662	67.198	71.104	(2.537)	96%	(6.442)	91%
Dư nợ	41.195	42.633	43.170	(1.438)	97%	(1.975)	95%
- Thị trường 1	30.915	25.969	28.570	4.946	119%	2.345	108%
- Thị trường 2	10.280	16.664	14.600	(6.384)	62%	(4.320)	70%
Huy động	56.977	60.712	62.927	(3.735)	94%	(5.949)	91%
- Thị trường 1	47.881	45.404	46.500	2.477	105%	1.381	103%
- Thị trường 2	9.096	15.309	16.427	(6.213)	59%	(7.330)	55%
Nợ xấu nhóm 3-5	735	1.171	1.200	(436)	63%	(465)	61%
- Tỷ lệ Nợ xấu/Tổng dư nợ (*)	1,72%	2,75%	2,70%	-1,03%	-	-0,98%	-
- Tỷ lệ Nợ xấu/Dư nợ TT1	2,38%	4,51%	4,03%	-2,13%	-	-1,65%	-
Lợi nhuận trước DPRRTD	770,9	563,2	726,8	207,6	137%	44,1	106%
Chi phí dự phòng RRTD	230,8	323,3	192,4	(92,5)	71%	38,4	120%
Dự phòng TP VAMC 10%	216,2	53,2	234,4	163,1	407%	(18,2)	92%
Lợi nhuận trước thuế (VAMC 10%)	323,9	186,8	300,0	137,1	173%	23,9	108%
<i>Dự phòng TP VAMC trích thêm 10%</i>	<i>216,2</i>	<i>53,2</i>	<i>234,4</i>	<i>163,1</i>	<i>407%</i>	<i>(18,2)</i>	<i>92%</i>
LNTT (VAMC 20%)	107,7	133,6	65,6	(26,0)	81%	42,1	164%

Bảng tóm tắt một số chỉ tiêu chính

() Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ được tính dựa trên tổng dư nợ bao gồm 1.650 tỷ đồng TP TCKT và tiền gửi tại TCTD*

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch	Đơn vị tính
	N.2015	N.2014	N.2015	
Suất sinh lời trước thuế/ VCSH (ROaE)	1,9%	2,3%	1,1%	%/năm
Suất sinh lời trước thuế/ Tổng TS (ROaA)	0,2%	0,2%	0,1%	%/năm

Chi phí hoạt động/ Thu nhập ròng (CIR)	57,8%	60,7%	58,2%	%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	16,2%	14,3%	>=9%	%
Tổng TS/ Vốn CSH (A/E)	11,2	11,8	12,0	Lần
Nợ phải trả/ Vốn CSH (D/E)	10,2	10,8	11,0	Lần
Vốn CSH/ Tổng TS (E/A)	8,9%	8,5%	8,3%	%
Nợ phải trả/ Tổng tài sản (D/A)	91,1%	91,5%	91,7%	%
Cho vay 2TT/ Tổng TS (LAR-Hệ số RRTD)	63,7%	63,4%	60,7%	%
Cho vay 2TT/ Huy động TT1(LDR)	86,0%	93,9%	92,8%	%
Lợi nhuận trước dự phòng/ 1 Nhân viên toàn hàng	273	218	250	Trđồng/Năm
Chi phí hoạt động/ 1 Nhân viên toàn hàng	374	356	347	Trđồng/Năm

Các thành tựu quan trọng đã đạt được trong năm 2015

1. Tổng dư nợ Thị trường 1 vượt cột mốc 30.000 tỷ đồng

Tổng dư nợ TT1 năm 2015 đạt 30.915 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch năm 2015, tăng 19% so với năm 2014, và đã chính thức vượt cột mốc 30.000 tỷ đồng. Bám sát định hướng sớm trở thành ngân hàng hàng đầu Việt Nam tập trung vào hoạt động bán lẻ, theo đó, hoạt động mảng KHCN luôn được ABBANK ưu tiên và phát triển toàn diện, nổi bật với dư nợ KHCN đã sớm vượt cột mốc 10.000 tỷ đồng vào cuối Q3/2015 và đạt 11.233 tỷ đồng vào cuối năm 2015, hoàn thành 109% kế hoạch 2015, tăng trưởng lên đến 36% so với năm 2014.

2. Lợi nhuận hoạt động có sự cải thiện đáng kể

Tổng thu nhập hoạt động trong năm 2015 đạt gần 1.967 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2014. Đồng thời, chi phí hoạt động luôn được kiểm soát chặt chẽ, dẫn đến lợi nhuận hoạt động trước DP RRTD và dự phòng TP VAMC năm 2015 đạt 770,9 tỷ đồng, vượt 6% so với kế hoạch năm 2015. Trong khi đó, DPRRTD và TP VAMC (tỷ lệ trích 20%) trong năm 2015 ở mức 663,2 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế toàn hàng trong năm 2015 đạt 107,7 tỷ đồng.

3. Công tác xử lý nợ xấu tiếp tục được quan tâm và đẩy mạnh, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới mức 3%

Trong năm 2015, công tác xử lý nợ xấu tiếp tục được ưu tiên và đẩy mạnh thông qua nhiều biện pháp linh hoạt như thu hồi nợ bằng tiền, bổ sung tài sản đảm bảo, cơ cấu nợ, sử dụng dự phòng hoặc bán nợ cho Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ Chức Tín dụng Việt Nam

(VAMC).

Với kết quả xử lý tích cực trên, hiện tỷ lệ nợ xấu của ABBANK đã giảm xuống dưới 3% và không phát sinh nợ xấu mới. Tính đến cuối năm 2015, tỷ lệ nợ xấu chỉ còn 2,38% trên tổng dư nợ TT1, giảm từ mức 4,51% cuối năm 2014.

4. Lần đầu tiên ABBANK được Moody xếp hạng tín nhiệm và nằm trong số các ngân hàng đạt mức tín nhiệm cao nhất thị trường

Thêm thông tin tích cực đối với kết quả hoạt động của ABBANK trong năm 2015 khi "*Lần đầu tiên ABBANK được Moody xếp hạng tín nhiệm và nằm trong số các ngân hàng đạt mức tín nhiệm cao nhất thị trường*" đã góp phần nâng cao uy tín và khẳng định vị thế của ABBANK trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

5. Các kiến nghị Thanh tra được khắc phục toàn bộ, tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng

Năm 2015, ABBANK đã tập trung khắc phục dứt điểm các Kiến nghị Thanh tra NHNN của các năm trước. Đến cuối năm 2015 ABBANK đã khắc phục toàn bộ các Kiến nghị tồn đọng từ 2012 và 2014, và được NHNN cho phép tiếp tục quá trình tự tái cơ cấu. Tiếp nối kết quả thành công này, ngày 08/3/2016, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có các công văn số 1279, 1280, 1281, 1282, 1283 và 1284/NHNN-TTGSNH cho phép ABBANK mở 4 Chi nhánh và 29 Phòng giao dịch (trong đó có 15 PGD được nâng cấp từ QTK). Đồng thời, ngày 16/03/2016, NHNN cũng đã ban hành Công văn số 1542/NHNN-CSTT về việc cho phép ABBANK tăng trưởng tín dụng trong năm 2016 lên đến 27%, một mức rất cao trong hệ thống ngân hàng Việt Nam

6. Công tác vận hành hệ thống tiếp tục được nâng cao và đạt nhiều kết quả tích cực

Với việc hoàn tất tập trung hóa Hỗ trợ tín dụng, Tài chính kế toán, và hoạt động mua sắm toàn hệ thống, ABBANK đã đạt được nhiều bước tiến tích cực trong việc kiểm soát tốt chi phí và công tác giải ngân. Cụ thể chỉ số CIR (Cost to income ratio) đã giảm xuống dưới 60%, cụ thể đạt 57,8% cuối năm 2015 so với mức 60,7% cuối năm 2014, và thấp hơn so với mức trung bình ngành (dao động quanh 60%)

Báo cáo chi tiết toàn bộ hoạt động của ABBANK năm 2015 được cụ thể hóa trong các thông tin bên dưới. Các số liệu tổng hợp của Báo cáo được cập nhật đến hết ngày 31/12/2015.

Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

CỦ ANH TUẤN

BÁO CÁO CHI TIẾT**A. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG****I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI & VIỆT NAM NĂM 2015****1. Kinh tế Thế giới**

Bức tranh chung về tình hình kinh tế thế giới trong năm 2015 tuy chưa thực sự khởi sắc nhưng cũng đã bớt âm ảm hơn so với những năm trước. Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 là 2,4%, nhưng về cơ bản có thể thấy, những tác động của khủng hoảng tài chính và nợ công đã không còn trầm trọng, kinh tế toàn cầu bắt đầu thích nghi dần với những biến động về chính trị, an ninh. Tổng quan một số nền kinh tế lớn như sau:

Mỹ là nước có nền kinh tế phục hồi tích cực nhất trong nhóm nước phát triển. Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ đã giảm còn 5%, tiêu dùng và thị trường bất động sản bắt đầu phục hồi. Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) phục hồi yếu, tăng trưởng chậm với tốc độ là 1,5%, do phải xử lý cuộc khủng hoảng “kép” gồm vấn đề nợ công và di cư, cùng tình trạng giảm phát và thất nghiệp cao. Một cột trụ kinh tế khác của thế giới là Nhật Bản, cho dù tỷ giá đồng Yên đã giảm giá đến 60% so với USD kể từ đạt mức đỉnh 73,35 Yên/USD (tháng 10-2011), tạo lợi thế cho hoạt động xuất khẩu nhưng đà phục hồi của kinh tế Nhật Bản còn rất bấp bênh. Bên cạnh đấy, nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với nhiều khó khăn kể từ khi bắt đầu cải cách, mở cửa. Mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp nhưng sản xuất công nghiệp Trung Quốc vẫn suy giảm, xuất nhập khẩu vẫn trì trệ, thị trường nhà đất đóng băng, thị trường chứng khoán biến động mạnh, ... dẫn đến mức tăng trưởng của Trung Quốc năm 2015 chỉ đạt 6,9% và lần đầu tiên trong 25 năm qua tăng trưởng dưới mức 7%

2. Kinh tế Việt Nam

Tăng trưởng GDP năm 2015 đạt trên 6,68%, cao nhất kể từ 2011, vượt kế hoạch đề ra (6,2%), tương ứng Q1 tăng 6,12%, Q2 tăng 6,47%, Q3 tăng 6,81%, Q4 tăng 7,01%. Khu vực công nghiệp, xây dựng đã đóng góp lớn vào mức tăng trưởng chung và là đầu tàu của tăng trưởng nền kinh tế, đạt 9,64%, cao hơn mức tăng 7,14% so với cùng kỳ 2014. Trong khi đó, khu vực nông lâm thủy sản được ghi nhận ở mức 2,41%, dịch vụ tăng 6,33%. Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015 thể hiện sự phục hồi rõ nét và đạt nhiều điểm sáng tích cực.

Bên cạnh đó, Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2015 chỉ đạt 0,63%, mức thấp kỷ lục trong 14 năm gần đây, thấp hơn mức 4,09% cùng kỳ năm 2014 và cách xa so với mục tiêu 5% đề ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu là do (1) nguồn cung lương thực thực phẩm trong nước ổn định, (2) giá hàng hóa nguyên liệu, đặc biệt là giá xăng dầu giảm hoặc ở mức thấp, (3) mức tăng một số mặt hàng thiết yếu do Nhà nước quản lý không nhiều bằng năm trước và (4) cầu tiêu dùng chưa phục hồi mạnh.

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG VIỆT NĂM 2015

1. Lãi suất

VND: sau khi ổn định trong nửa đầu năm, lãi suất huy động thị trường 1 và thị trường 2 đều có xu hướng tăng dần về cuối năm 2015. Đồng thời, thanh khoản hệ thống ngân hàng có dấu hiệu căng thẳng phản ánh qua mức lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm tăng mạnh trong tháng 12/2015.

Tại một số ngân hàng nhỏ, mức lãi suất huy động khách hàng tại các kỳ hạn dưới 6 tháng đã chạm trần huy động do NHNN quy định (5,5%/năm). Hiện tại, mặt bằng lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,8-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4-7,4%/năm.

USD: NHNN đã chính thức giảm lãi suất huy động USD về mức 0% đối với cả khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức. Ngoài ra, NHNN cũng đã đề nghị khả năng áp dụng lãi suất USD âm trong năm 2016.

Dự báo, lãi suất VND trong năm 2016 sẽ tiếp tục xu hướng tăng do áp lực từ tỷ giá và nhu cầu tăng trưởng tín dụng (ước tính có thể ở mức 18%- 20%). Tuy nhiên, mức tăng lãi suất kỳ vọng sẽ không quá mạnh và gây sốc đối với nền kinh tế.

2. Tỷ giá

Năm 2015 khép lại là 1 năm có những biến động đáng chú ý về tỷ giá VND/USD khi những cú sốc từ bên ngoài buộc NHNN phải điều chỉnh tỷ giá 3 lần, mỗi lần 1% vào các ngày 7/1, 7/5 và 19/8. Thêm vào đó, lần đầu tiên sau 4 năm, NHNN trở lại với phương án điều chỉnh biên độ tỷ giá. Biên độ đã được điều chỉnh từ +-1% lên +-2% vào ngày 12/8 và lên +-3% vào ngày 19/8. Điều này đồng nghĩa với biến động đồng VND được nới rộng tổng cộng +5%

trong năm 2015. Bên cạnh việc điều chỉnh tỷ giá, NHNN cũng đã bán USD ra nhằm bình ổn thị trường.

Đáng chú ý: Ngày 17/12 (theo giờ Việt Nam), Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã quyết định nâng lãi suất lần đầu tiên trong gần một thập kỷ: từ 0%-0,25% lên 0,25%-0,5%; và trong năm tới sẽ có thêm 4 lần tăng lãi suất, mỗi lần tăng 0,25%. Sự kiện này cùng với nhu cầu thanh toán USD trong các tháng cuối năm đã đẩy tỷ giá bán ra USD niêm yết ở các NHTM kịch trần. Tuy nhiên, ngày 25/12, tỷ giá đã hạ nhiệt sau khi NHNN bán USD ra thị trường;

Trong năm 2016, NHNN sẽ áp dụng chính sách tỷ giá linh hoạt theo ngày: trong đó, tỷ giá trung tâm sẽ thay đổi hàng ngày. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá 2016 được nhìn thấy vẫn còn: xu hướng mạnh lên của đồng USD và chính sách nới lỏng tiền tệ trên thế giới; thêm vào đó, thâm hụt thương mại, khả năng lạm phát, mức nợ công cao của Việt Nam cũng là những nhân tố quan trọng gây áp lực lên tỷ giá.

3. Tăng trưởng tín dụng, huy động vốn

Tính đến cuối tháng 12/2015, tổng phương tiện thanh toán tăng 16,2%; tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 18%. Tín dụng năm 2015 đã tăng đều hơn qua các quý, chứng tỏ sức hấp thụ vốn của nền kinh tế đã tốt hơn và không dồn quá nhiều vào thời điểm cuối năm.

4. Nợ xấu và VAMC

Ngay từ đầu năm 2015, NHNN đã quyết liệt chủ trương và phối hợp với các TCTD thực hiện mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống xuống dưới 3%. Tính đến tháng 12/2015, Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng đã đạt được giảm xuống 2,72% đúng như kỳ vọng, nhờ hoạt động tích cực của VAMC.

Tổng doanh số mua nợ lũy kế từ khi thành lập vào năm 2013 đến cuối năm 2015 chạm mức kỳ vọng 200 nghìn tỷ đồng. Cũng như năm 2013&2014, kế hoạch mua 80 nghìn tỷ cũng được hiện thực hóa với hơn 110 nghìn tỷ cuối năm 2015. Về thu hồi nợ, lũy kế 2013-2015 VAMC đã thu hồi (từ bán nợ, bán TSDB, ...) đạt 22.783 tỷ đồng, tương đương 228% kế hoạch đề ra và 8% tổng số nợ xấu đã mua.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

	Bảng cân đối kế toán (đ.vị: đồng)	Năm 2015	Năm 2014
A	TÀI SẢN	64,661,508,088,964	67,198,049,547,066

I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	573,978,259,033	441,458,392,080
II	Tiền gửi tại NHNN	1,737,113,143,835	716,589,513,635
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	11,553,327,451,003	19,538,433,905,054
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	1,273,547,451,003	2,874,510,905,054
2	Cho vay các TCTD khác	10,279,780,000,000	16,663,923,000,000
3	Dự phòng rủi ro (*)	-	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	-	276,084
1	Chứng khoán kinh doanh	-	458,173
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (*)	-	(182,089)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	23,587,152,323	4,768,257,356
VI	Cho vay khách hàng	30,530,485,107,174	25,495,489,974,602
1	Cho vay khách hàng	30,915,308,460,737	25,969,150,435,332
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	(384,823,353,563)	(473,660,460,730)
VII	Hoạt động mua nợ		
1	Mua nợ		
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (*)		
VIII	Chứng khoán đầu tư	15,189,676,220,965	15,004,911,082,784
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11,661,970,781,814	10,834,698,338,241
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4,076,710,248,085	4,289,643,761,369
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (*)	(549,004,808,934)	(119,431,016,826)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	568,623,900,337	516,900,694,620
1	Đầu tư vào công ty con	260,000,000,000	200,000,000,000
2	Vốn góp liên doanh	-	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết	41,904,500,000	51,904,500,000
4	Đầu tư dài hạn khác	268,791,040,000	268,791,040,000
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	(2,071,639,663)	(3,794,845,380)
X	Tài sản cố định		

		980,123,028,683	1,019,075,651,472
1	Tài sản cố định hữu hình	567,459,880,915	591,765,247,553
A	Nguyên giá TSCĐ	849,583,411,042	824,677,744,224
B	Hao mòn TSCĐ (*)	(282,123,530,127)	(232,912,496,671)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
A	Nguyên giá TSCĐ	-	-
B	Hao mòn TSCĐ (*)	-	-
3	Tài sản cố định vô hình	412,663,147,768	427,310,403,919
A	Nguyên giá TSCĐ	541,381,481,358	533,856,400,078
B	Hao mòn TSCĐ (*)	(128,718,333,590)	(106,545,996,159)
XI	Bất động sản đầu tư	-	-
A	Nguyên giá BĐSĐT	-	-
B	Hao mòn BĐSĐT (*)	-	-
XII	Tài sản Có khác	3,504,593,825,611	4,460,421,799,379
1	Các khoản phải thu	1,964,192,418,071	2,803,918,581,351
2	Các khoản lãi, phí phải thu	917,926,091,192	885,139,927,761
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
4	Tài sản Có khác	753,796,091,182	816,062,371,767
	- Trong đó: Lợi thế thương mại	-	-
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (*)	(131,320,774,834)	(44,699,081,500)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	64,661,508,088,964	67,198,049,547,066
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	799,794,737,860	-
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	9,096,175,452,300	15,308,737,904,057
1	Tiền gửi của các TCTD khác	1,033,718,852,300	3,310,667,479,057
2	Vay các TCTD khác	8,062,456,600,000	11,998,070,425,000
III	Tiền gửi của khách hàng	47,880,897,762,287	45,403,724,994,530
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD		

	chịu rủi ro	280,328,014,381	120,781,670,000
VI	Phát hành giấy tờ có giá	-	-
VII	Các khoản nợ khác	844,550,658,843	678,934,235,328
1	Các khoản lãi, phí phải trả	605,491,880,401	554,954,093,935
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	239,058,778,442	123,980,141,393
4	Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)	-	-
	Tổng nợ phải trả	58,901,746,625,671	61,512,178,803,915
VIII	Vốn chủ sở hữu	5,759,761,463,293	5,685,870,743,151
1	Vốn của TCTD	5,247,165,057,979	5,247,165,057,979
A	Vốn điều lệ	4,797,999,760,000	4,797,999,760,000
B	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định	-	-
C	Thặng dư vốn cổ phần	449,165,297,979	449,165,297,979
D	Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
E	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
G	Vốn khác	-	-
2	Quỹ của TCTD	306,979,736,520	294,067,572,656
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	205,616,668,794	144,638,112,516
6	Lợi ích của cổ đông thiểu số		
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	64,661,508,088,964	67,198,049,547,066

	Báo cáo KQ HĐKD (đơn vị: đồng)	2015	2014
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4,090,258,740,215	4,102,591,121,067
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	2,430,910,095,887	2,635,048,562,276
I	THU NHẬP LÃI THUÀN	1,659,348,644,328	1,467,542,558,791
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	129,778,789,458	107,789,347,181
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	76,574,521,973	78,382,984,660

II	LÃI/ LỖ THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ	53,204,267,485	29,406,362,521
III	LÃI/ LỖ THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI	63,679,420,988	56,686,913,875
IV	LÃI/ LỖ THUẬN TỬ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	(164,504)	561,484,400
V	LÃI/ LỖ THUẬN TỬ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ	131,697,246,348	47,978,743,707
5	Thu nhập từ hoạt động khác	39,907,618,780	60,109,946,855
6	Chi phí hoạt động khác	13,538,340,096	24,000,423,048
VI	LÃI/ LỖ THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG KHÁC	26,369,278,684	36,109,523,807
VII	THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN	32,277,614,907	20,543,780,150
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	1,195,718,766,368	1,095,643,069,124
IX	LỢI NHUẬN THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG	770,857,541,868	563,186,298,127
X	CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG	663,198,640,280	429,565,539,157
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	107,658,901,588	133,620,758,970
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	19,065,179,707	26,809,232,290
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
XII	CHI PHÍ THUẾ TNDN	19,065,179,707	26,809,232,290
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	88,593,721,881	106,811,526,680

- *Phân tích lợi nhuận kinh doanh năm 2015*

Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng TP VAMC năm 2015 đạt 770,9 tỷ, tăng 207,6 tỷ (tương đương tăng 37%) so với năm 2014 do một số nguyên nhân sau:

- ✓ Tổng thu nhập tăng 307,7 tỷ (tương đương tăng 19%), bao gồm:
 - + Thu nhập thuần từ lãi tăng gần 191,8 (tương đương tăng 13%) so với 2014
 - + Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 23,8 tỷ (tương đương tăng 81%) so với năm 2014 theo đúng định hướng của Ban điều hành và HĐQT.
 - + Thu nhập khác tăng 92,1 tỷ (tương đương tăng 57%) so với năm 2014.

✓ Chi phí hoạt động trong năm 2015 là 1.195,7 tỷ đồng.

Nhìn chung, Kết quả hoạt động kinh doanh toàn hàng năm 2015 đạt hiệu quả tốt hơn nhiều so với năm 2014, thể hiện qua lợi nhuận hoạt động trước dự phòng đạt 770,9 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2014. Tuy nhiên, do DPRRTD và TP VAMC (trích 20%) trong năm 2015 ở mức gần 663,2 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế toàn hàng trong năm 2015 chỉ đạt 107,7 tỷ đồng.

II. KẾT QUẢ VỀ KHÁCH HÀNG – ĐỐI NGOẠI

1. Khách hàng cá nhân

1.1 Kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2015

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	So với Thực hiện 2014		So với Kế hoạch 2015	
				(+/-)	%	(+/-)	%
Huy động	21.690	18.940	20.000	2.750	115%	1.690	108%
Dư nợ	11.233	8.258	9.530	2.975	136%	1.703	118%
Số lượng KHCN	576.000	506.188	535.596	69.812	114%	40.404	108%
Thẻ	58.764	56.606	55.132	2.158	104%	3.632	107%
<i>Youcard</i>	51.662	50.564	40.824	1.098	102%	10.838	127%
<i>Visa Debit</i>	3.540	2.092	5.452	1.448	169%	(1.912)	65%
<i>Visa Credit</i>	3.562	3.950	8.856	(388)	90%	(5.294)	40%
Số lượng ATM	167	161	175	6	104%	(8)	95%
Số lượng POS	914	495	825	419	185%	89	111%

Ghi chú:

- Tổng phát hành thẻ: 58.764 số phát hành thẻ phát sinh mới trong năm 2015. Tổng phát hành thẻ lũy kế đến 31/12/2015 là 454.858 thẻ các loại bao gồm:
 - 411.635 thẻ YOUcard
 - 27.239 Visa Debit
 - 15.984 thẻ Visa Credit.
- Số lượng ATM: Số lượng ATM lũy kế đến 31/12/2015 là 167 máy; doanh số ATM đạt lần lượt là 5.270 tỷ đồng (đạt 94% so với kế hoạch đề ra đầu năm 2015) và phí thu ATM là 1.803 tỷ đồng (đạt 85% kế hoạch đề ra đầu năm 2015).
- Số lượng POS: số lượng máy POS active tại thời điểm 31/12/2015 là 914 máy (đạt 110% so với kế hoạch) và không bao gồm 68 máy POS triển khai EVN; Doanh số POS đạt lần lượt là 292 tỷ đồng (đạt 123% so với kế hoạch) và phí thu POS là 4,2 tỷ đồng (đạt 110% so với kế hoạch).

1.2 Các thành tựu chính trong năm 2015

- *Phát triển sản phẩm/dịch vụ*

- ✓ Triển khai thành công dự án thẻ tín dụng quốc tế ABBANK Visa Platinum.
- ✓ Hoàn thành kết nối và ký hợp đồng với Tổng Công ty Điện lực Hà Nội, hỗ trợ phối hợp với các ĐVKD triển khai các hoạt động kinh doanh với Điện lực cơ sở trên địa bàn.
- ✓ Phối hợp với TTHT&VH Thẻ phát hành thành công thẻ Chip ABBANK Visa theo chuẩn EMV.
- ✓ Ban hành/điều chỉnh một số sản phẩm tín dụng KHCN để phù hợp với thực tế và thị trường nhằm tăng tính cạnh tranh với các TCTD.
- ✓ Chuyển tiền liên ngân hàng: Hoàn thành kết nối kỹ thuật Dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng qua Smartlink/ BanknetVN trên Online Banking.
- ✓ Thanh toán tiền điện: Hợp tác triển khai thanh toán tiền điện trực tuyến trên website của Điện lực Miền Trung (EVN CPC). Ngoài ra, ABBANK tiếp tục mở rộng phạm vi thu hộ tiền điện trên địa bàn Khu vực Hà Nội bằng việc ký kết thỏa thuận hợp tác với EVN Hà Đông.
- ✓ Tiếp tục xây dựng phát triển và mở rộng phạm vi thu hộ hóa đơn tiện ích. Sau khi triển khai thanh toán hóa đơn tiền nước với Công ty Cấp nước Huế, ABBANK tiếp tục triển khai thanh toán với Công ty Cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu.
- ✓ Triển khai phương thức USSD cho KH sử dụng dịch vụ Mobile Banking - ABBANK BankPlus.

- *Phát triển quan hệ đối tác*

Trong năm 2015, Phòng Đối tác đã đạt được thành tích cả về số lượng đối tác mới và doanh số kinh doanh thông qua các kênh đối tác trên tất cả các lĩnh vực:

- Cập nhật 26 dự án bất động sản trên địa bàn Hà Nội và TPHCM.
- Phát triển hợp tác với 69 đối tác là các cty/đại lý ô tô, công ty du học, cty/sản bất động sản và các công ty là các điểm ưu đãi dịch vụ cho chủ thẻ ABBANK. Dư nợ phát sinh từ các đối tác này tại thời điểm 31/12/2015: trên 258 tỷ đồng.

- Ký kết hợp đồng hợp tác và cấp mã cho 200 cá nhân là các Đại diện kinh doanh và cộng tác viên và 02 tổ chức có tiềm năng giới thiệu khách hàng cho ABBANK. Dự nợ phát sinh từ kênh kinh doanh mềm tại 31/12/2015: trên 258 tỷ đồng.

2. Khách hàng doanh nghiệp

2.1 Kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2015

Dvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	Kế hoạch	So với TH		So với KH	
				+/(-)	%	+/(-)	%
Huy động	26.191	26.464	26.500	(273)	99%	(309)	99%
Cho vay	19.682	17.711	19.040	1.971	111%	642	103%
Số lượng khách hàng	20.017 (*)	18.041	21.649	1.976	111%	(1.63)	93%
Doanh số Thu dịch vụ	245	194	234	51	126%	11	105%
Doanh số TTQT (Tr.Usd)	1.335	1.124	1.430	211	119%	(95)	93%

Ghi chú

^(*) Đối với chỉ tiêu Số lượng khách hàng: Thực hiện theo quy định của NHNN về Phòng chống rửa tiền (AML) và Đạo luật Mỹ (FATCA), ABBANK phải rà soát, đóng bít các tài khoản không đạt yêu cầu. Vì vậy, chỉ tiêu này chỉ hoàn thành 93% so với kế hoạch.

2.2 Các thành tựu chính trong năm 2015

- Hoạt động kinh doanh

- Tăng trưởng tín dụng thực tế trực tiếp cho khách hàng doanh nghiệp hơn 5.220 tỷ VND (tương đương 29,5%) so với đầu năm 2015. Từ đó góp phần cải thiện cơ cấu danh mục cho vay, gia tăng hiệu quả cho ngân hàng.
- Thất chặt mối quan hệ hợp tác với EVN, từng bước chuyển đổi từ quan hệ cổ đông chiến lược thành đối tác chiến lược. Năm 2015 cũng đánh dấu mốc son dòng tiền đạt 10.000 tỷ VND từ EVN và dự nợ 1.200 tỷ VND dành cho các Nhà thầu EVN.
- Trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, cạnh tranh gay gắt, ABBANK vẫn đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu phí dịch vụ khá cao (tăng 26% so với năm 2014).

- Phát triển sản phẩm/dịch vụ

Danh mục sản phẩm dịch vụ KHDN có sự phát triển đáng kể về số lượng và chất lượng theo đúng định hướng chiến lược về tăng thu phí dịch vụ và đặt trọng tâm vào phân khúc khách hàng SMEs. Cụ thể:

- ✓ **Bộ SPDV Quản lý tiền tệ:** bao gồm dịch vụ quản lý các khoản phải thu (ủy nhiệm thu, thu hộ tại quầy, tại địa điểm chỉ định), ...
- ✓ **Bộ SPDV Tài trợ xuất nhập khẩu:** bao gồm tài trợ xuất khẩu trước, sau giao hàng (mở rộng phạm vi và cơ cấu khoản vay theo các phương thức thanh toán: ghi sổ, CAD/COD, ủy thác xuất khẩu, ...), ...
- ✓ **Bộ SPDV dành cho nhà thầu:** bao gồm Gói sản phẩm tài trợ nhà thầu Bộ Quốc Phòng, Bộ Công An, phát hành cam kết cấp tín dụng để tham gia đấu thầu, ...
- ✓ **Bộ SPDV bảo lãnh:** bao gồm bảo lãnh thuế xuất nhập khẩu, bảo lãnh thuế trực tuyến, bảo lãnh trong bán và cho thuê bất động sản hình thành trong tương lai.
- **Đẩy mạnh các SPDV giàu công nghệ góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của ABBANK trên thị trường. Cụ thể:**
 - ✓ Tăng cường khai thác dịch vụ Nộp thuế điện tử
 - ✓ Triển khai dịch vụ Nộp thuế điện tử cho khách hàng của các định chế tài chính như Shinhan Bank, Maybank, IBK, ...
 - ✓ Triển khai tính năng mới thấu chi online.
- **Về chất lượng dịch vụ**
 - Đơn giản hóa điều kiện, quy trình thủ tục đối với các SPDV dành cho KHDN vừa và nhỏ góp phần giảm bớt các vấn đề về ngoại lệ (sản phẩm cho vay tái tài trợ, cho vay mua xe, thấu chi, cho vay hỗ trợ phát triển kinh doanh KHDN vừa và nhỏ, ...).
 - Cài đặt và triển khai tính năng tất toán Hợp đồng tiền gửi liên chi nhánh nhằm gia tăng tốc độ xử lý đối với nhu cầu của khách hàng.
- **Phát triển quan hệ đối tác: Đến 31/12/2015:**
 - Hạn mức tài trợ thương mại các ngân hàng nước ngoài cấp cho ABBANK đạt 82 triệu USD, tăng 58% so với năm 2014. Doanh số bán và bán chéo sản phẩm tài trợ thương mại với các ngân hàng đại lý đạt hơn 77 triệu USD.
 - Thiết lập mới quan hệ đại lý với 12 ngân hàng, đưa tổng số mạng lưới ngân hàng đại lý của ABBANK lên đến 500 ngân hàng tại 63 quốc gia trên thế giới.
 - Mở thêm 03 tài khoản giao dịch đồng NZD tại ngân hàng ANZ, đồng CAD và CHF tại ngân hàng RBI để phục vụ cho nhu cầu giao dịch thanh toán quốc tế của khách hàng.

- Hợp tác với các định chế tài chính gồm Kiên Long Bank (V/v cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế) và Agribank – CN Đồng Đăng, Lạng Sơn (V/v dịch vụ thanh toán biên mậu).

- **Hoạt động Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)**

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kết quả		So sánh với 2014	
	31/12/2015	31/12/2014	+ / (-)	%
Dư nợ	6.923	5.474	1.449	126,5
Tỷ trọng trên tổng dư nợ DN	35%	30%	5%	
Huy động	2.381	2.328	53	102
Tỷ trọng trên tổng huy động	8,60%	8,80%	-2%	
Số lượng khách hàng SME	18.567	16.688	1.879	111,3

3. Hoạt động đầu tư và liên ngân hàng

3.1 Các thành tựu chính trong năm 2015

- **Quản lý thanh khoản và hoạt động nguồn vốn**

Thanh khoản của ngân hàng luôn được đảm bảo. Tuân thủ theo thông tư 36/2014/TT-NHNN, tỷ lệ khả năng chi trả đối với từng loại đồng tiền của ABBANK luôn cao hơn mức quy định của NHNN, tỷ lệ vốn ngắn hạn dùng cho vay trung dài hạn luôn được kiểm soát ở mức dưới 60%. Cùng với đó, các kịch bản về dòng tiền vào/ra lớn được xây dựng, làm căn cứ cho việc quản lý thanh khoản, cân đối nguồn vốn hàng ngày đảm bảo an toàn và các giới hạn GAP do ALCO phê chuẩn. Diễn biến lãi suất trên các thị trường được theo dõi chặt chẽ hàng ngày, lãi suất nội bộ được áp dụng theo cơ chế mới và được điều chỉnh kịp thời.

- **Hoạt động đầu tư**

▪ **Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)**

Trong năm 2015, Khối NV&ĐT đã bắt kịp các cơ hội thị trường, thực hiện đầu tư mới tổng cộng 850 tỷ đồng TPDN (gồm 350 tỷ đồng TP DOJI và 200 tỷ đồng TP MasanConsumerHoldings, 300 tỷ đồng TP HUD). Các khoản Trái phiếu mới đầu tư đều do những tổ chức phát hành có uy tín, có thương hiệu lớn trên thị trường phát hành.

Khối lượng TPDN cuối năm 2015 là: 2.050 tỷ đồng (không bao gồm các khoản TP bán cho VAMC) – tăng 58% so với thời điểm 31/12/2014, tương đương 114% kế hoạch năm 2015.

- **Cổ phiếu**

Năm 2015, Khối NV&ĐT đã chủ động cơ cấu danh mục khi thị trường thuận lợi, hoàn thành việc bán khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết (PGI) trên sàn với mức giá trung bình 14.486 đồng, tốt hơn 2.000 đồng so với mức giá kỳ vọng ban đầu được HĐQT phê duyệt là 12.000 đồng.

- **Góp vốn mua cổ phần**

Năm 2015, ABBANK đã nhận được hơn 32,3 tỷ đồng cổ tức từ danh mục góp vốn mua cổ phần, đạt 227% kế hoạch. Ngoài ra, trong năm 2015, Khối NV&ĐT cũng đã chuyển nhượng thành công phần vốn góp của Công ty cổ phần đầu tư BĐS An Bình (ABB LAND) với giá chuyển nhượng bằng mệnh giá 10.000 đồng, thu về 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng.

- **Hoạt động kinh doanh tiền tệ**

Hoạt động kinh doanh chênh lệch lãi suất, khớp kỳ hạn và lệch kỳ hạn đối với VND và USD được triển khai tích cực và hiệu quả, với các kỳ hạn chủ yếu 1-3 tháng. Lợi nhuận trading lũy kế đến hết tháng 12/2015, đạt 19,5 tỷ đồng, vượt 241% so với kế hoạch năm.

- **Hoạt động trái phiếu**

- **Trái phiếu tổ chức tín dụng (TCTD)**

Trong năm 2015 ABBANK đã mua 200 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu do HDBank và 350 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu do BIDV phát hành.

- **Trái phiếu chính phủ (TPCP)**

Doanh số giao dịch cả sơ cấp và thứ cấp đạt hơn 51.300 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 164 tỷ đồng. ABBANK xếp thứ 12 trên thị trường thứ cấp về doanh số mua bán hần.

- **Hoạt động kinh doanh ngoại tệ**

Hoạt động kinh doanh ngoại hối 2015 chứng kiến sự biến động mạnh của các đồng tiền. Tuy nhiên, việc dự báo sát diễn biến thị trường, duy trì trạng thái ngoại tệ linh hoạt và tận dụng các cơ hội mua/bán ngoại tệ với NHNN đã góp phần mang lại lợi nhuận đạt 58 tỷ đồng từ kinh doanh ngoại tệ trong năm 2015, tương đương 116% kế hoạch năm.

4. Hoạt động phát triển mạng lưới và thương hiệu

4.1. Hoạt động phát triển mạng lưới

- *Kết quả hoạt động phát triển mạng lưới năm 2015:* Đến ngày 31/12/2015, mạng lưới ABBANK có tổng cộng **146 điểm giao dịch**, trong đó:
 - Chi nhánh: 30 (thay đổi Sở giao dịch thành Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh).
 - Phòng giao dịch: 101.
 - Quỹ tiết kiệm: 15.

4.2. Hoạt động marketing và phát triển thương hiệu trong năm 2015

- *Hoạt động phát triển thương hiệu và truyền thông*
 - *Hoạt động Truyền thông và Quảng bá thương hiệu*
 - ✓ Tham gia tổ chức thành công Đại hội cổ đông 2015, thực hiện truyền thông về kết quả kinh doanh 2014 và thông tin bổ nhiệm Tổng Giám Đốc.
 - ✓ Truyền thông về sự kiện Moody's lần đầu công bố xếp hạng tín nhiệm cao cho ABBANK trên mạng xã hội và các đầu báo lớn trên toàn quốc như Thời báo ngân hàng, Sài Gòn Đầu Tư Tài chính, CaféF; và các kênh truyền hình lớn bao gồm VTV, FBNC, HanoiTV, HTV, InfoTV, ...
 - ✓ Thực hiện hồ sơ giải thưởng lớn bao gồm giải "Doanh nghiệp chất lượng" của Qmix 100.
 - *Hoạt động Tài trợ/Sự kiện/Từ thiện*
 - ✓ Xây dựng hình ảnh ABBANK thân thiện, tích cực thông qua hoạt động tài trợ lớn có ý nghĩa với xã hội, củng cố hình ảnh Ngân hàng Bán lẻ Thân thiện, bao gồm: Chương trình từ thiện Tết An Bình 2015, "Đêm hội Trăng rằm 2015" truyền hình trực tiếp trên kênh VOV; chương trình truyền hình "Vi một tương lai xanh";...
 - ✓ Tham gia tài trợ hội thi thu hút nhân tài như "Nhân tài đất Việt 2015", "Sinh viên ngành tài chính ứng dụng các mô hình kinh tế lượng trong nghiên cứu khoa học 2015"; "Hội thảo thường niên khu vực Asean 2015", ...
 - ✓ Triển khai hoạt động từ thiện Tết An Bình 2016, phối hợp tổ chức chương trình gây quỹ từ thiện Tết An Bình 2016.
 - *Hệ thống biển bảng*
 - ✓ Thực hiện mới và gia hạn các biển quảng cáo nhằm tăng cường hình ảnh Ngân hàng tại các địa phương, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh. Tính đến hết quý

IV/2015, tổng số biển bảng trên toàn quốc là 97 biển, trong đó miền Bắc 50 biển, miền Trung 8 biển, miền Nam 39 biển.

- ✓ Triển khai kế hoạch hỗ trợ 65 đơn vị thực hiện vệ sinh biển hiệu và booth ATM tại các CN/PGD cuối năm 2015, nâng cao hiệu quả hình ảnh tại địa phương.

- **Hoạt động quảng bá, truyền thông sản phẩm dịch vụ & hỗ trợ ĐVKD**

▪ **Quảng bá sản phẩm dịch vụ**

Trong năm 2015, hoạt động QBSPDV tiếp tục được đầu tư nguồn lực đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm thuộc Khối KHCN, KHDN và hỗ trợ ĐVKD, trong đó tập trung mảng KHCN và SME, .

- **Hoạt động nội bộ**

Hoạt động nội bộ tập trung vào các chương trình, bản tin nội bộ và các hoạt động tập thể nhằm xây dựng củng cố văn hóa nội bộ, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.

- Tổ chức thành công lễ tổng kết cuối năm 2014 “ABBANK vượt biển lớn”, “Hội nghị phát động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2015” và “Hội thảo truyền thông các dự án chiến lược ABBANK năm 2015” dành cho Ban điều hành và các Giám đốc Khối.
- Truyền thông cho CBNV: dự án tầm nhìn sứ mệnh ABBANK qua bản tin “Khát vọng và mục tiêu”, Bản tin nội bộ “Ngôi nhà an Bình”, dự án xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện của Khối QTNNL.
- Tổ chức các hoạt động nội bộ: hoạt động kỷ niệm 22 năm thành lập ABBANK; tổ chức teambuilding; dự án “Hành động nhỏ - Thay đổi lớn” gồm các hoạt động Tháng chất lượng và Văn phòng xanh, các chương trình thi đua nội bộ clip I am ABBANKer; Cây bút ABBANK.

- **Nghiên cứu thị trường**

Phối hợp với phòng Quản lý Chất lượng Dịch vụ và phòng Phát triển Mạng lưới thực hiện chương trình Khảo sát Chất lượng Dịch vụ tại quầy tìm hiểu và đưa ra đánh giá khách quan về: CLDV của ABBANK so với các ngân hàng cạnh tranh; hiện trạng hình ảnh và cơ sở vật chất của các ĐGD. Kết quả khảo sát đã đưa ra được các khuyến nghị nhằm nâng cao CLDV tại các điểm giao dịch, đồng thời cung cấp thông tin hữu ích cho các khối liên quan để nâng cao chất lượng SPDV, thu hút khách hàng.

III. KẾT QUẢ VỀ VẬN HÀNH – TỜ CHỨC

1. Quản lý tín dụng

- Công tác thẩm định năm 2015 tập trung chú trọng xây dựng các công cụ nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp trong thực hiện nghiệp vụ. Cụ thể: xây dựng hoàn chỉnh hệ thống báo cáo tiến độ xử lý hồ sơ tín dụng, phối hợp với Trung tâm CNTT để tích hợp vào hệ thống phần mềm, xây dựng và ban hành mẫu báo cáo thẩm định khách hàng áp dụng trên toàn hệ thống.
- Trong năm phòng đã thực hiện định giá 22.500 tài sản tăng 30% so với năm 2014 (17.400 tài sản) với số lượng nhân sự không tăng
- Cung cấp thông tin báo cáo về hoạt động tín dụng toàn hàng cho nội bộ và cơ quan bên ngoài chính xác và kịp thời: thực hiện 1.067 báo cáo (791 báo cáo NHNN và 276 báo cáo nội bộ) và các báo cáo khác theo yêu cầu của BDH/GĐK. Thực hiện đầu mỗi báo cáo khắc phục các kiến nghị thanh tra, hỗ trợ BDH, BGĐK trong công tác làm việc với thanh tra để hoàn thiện việc chỉnh sửa sau thanh tra.
- Công tác giám sát trực tiếp: Trong năm 2015, GSTD đã thực hiện giám sát trực tiếp tại 26/36 chi nhánh. Tổng số lượng hồ sơ tín dụng kiểm tra được là 1.127 hồ sơ với tổng số dư tín dụng là 7.622 tỷ đồng.
- Công tác Giám sát từ xa: trong năm đã thực hiện được khoảng 110 báo cáo giám sát từ xa, bước đầu thực hiện được công tác cảnh báo sớm nợ xấu.
- Bên cạnh đấy, trong năm 2016, Khối QLTD cũng đã đề xuất điều chỉnh cơ cấu tổ chức hoạt động của Khối, trong đó có mô hình chuyên gia phê duyệt, nhằm góp phần chuyên môn hóa đối với từng mảng sản phẩm và phân khúc khách hàng. Đồng thời, rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ, và tăng cường tính chuyên biệt, độc lập trong công tác thẩm định & phê duyệt tín dụng
- Ngoài ra, Khối cũng xây dựng hệ thống LOS- hỗ trợ cho quy trình và phê duyệt hồ sơ tín dụng, nhằm đẩy nhanh tốc độ xử lý cũng như phê duyệt hồ sơ tín dụng, cũng như tạo điều kiện dễ dàng trong việc lưu trữ & truy vấn hồ sơ đã duyệt, thực hiện các công tác quản trị và xây dựng chính sách tín dụng.

2. Công tác Xử lý nợ

- *Nợ xấu tại ngày 01/01/2015:* 1.171 tỷ đồng (4,51% tổng dư nợ thị trường 1).

- **Nợ xấu tại ngày 31/12/2015:** 735 tỷ đồng (2,38% tổng dư nợ thị trường 1).

Bằng việc tập trung nguồn lực toàn hàng để xử lý nợ xấu và áp dụng linh hoạt nhiều biện pháp, phương án xử lý nợ như đôn đốc, khởi kiện, thu hồi nợ tiền mặt, thu và xử lý tài sản đảm bảo, miễn giảm lãi, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng, bán nợ cho Công ty Quản lý Tài sản của Tổ chức Tín Dụng Việt Nam (VAMC). Trong năm 2015, ABBANK đã nỗ lực kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ thị trường 1 về mức 2,38%.

3. Quản lý rủi ro

Về công tác quản lý rủi ro, Ủy ban Quản lý rủi ro-RMC (QLRR) trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT) chịu trách nhiệm định hướng, giám sát và quản lý chung đối với các rủi ro tại ABBank. Trong năm 2015, Ủy ban QLRR-RMC tổ chức 5 cuộc họp, thực hiện việc thẩm tra và tham mưu cho HĐQT phê duyệt 10 văn bản về quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng, theo dõi các báo cáo định kỳ của Ban Điều hành về danh mục tín dụng, danh mục rủi ro và hoạt động quản lý rủi ro trên quan điểm cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận, đồng thời thực hiện khuyến nghị các đơn vị liên quan trong việc giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng.

3.1. Hoạt động QLRR Tín dụng

- Trong năm 2015 đã ban hành 26 văn bản, cụ thể như Khung QLRR; Quy định liên quan TSDB. Ngoài ra, một số chính sách đã được trình RMC, HĐQT xem xét/ phê chuẩn: Quy chế bảo lãnh; Quy định thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh tại ABBANK; Quy chế cơ cấu nợ; Quy chế Hội đồng xử lý rủi ro; Quy chế Hội đồng Xử lý nợ; Quy chế Hội đồng tín dụng; Quy định về phân quyền phê duyệt cấp tín dụng.
- Xây dựng các công cụ giám sát rủi ro, điều chỉnh và quản lý các chỉ số, ngưỡng rủi ro, đưa ra các cảnh báo và các giải pháp; đảm bảo các chỉ tiêu cam kết với các đối tác chiến lược Maybank và IFC.
- Quản lý vận hành, nâng cấp Hệ thống XHTD theo kiến nghị KTNB; Phối hợp với Chuyên gia IFC xây dựng Chương trình XHTD phân khúc KH SMEs theo dự án Nâng cao năng lực cạnh tranh phân khúc khách hàng SMEs.

3.2. Hoạt động QLRR Thị trường

- Thực hiện các báo cáo rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường và theo dõi biến động lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán để đưa ra các cảnh báo rủi ro phù hợp.

- Ban hành quy trình quản lý rủi ro đầu tư, kinh doanh chứng khoán; Thực hiện soạn thảo nội dung của quy trình QLRR thanh khoản, quy trình QLRR lãi suất và stress test thanh khoản.
- Nghiên cứu và triển khai áp dụng phương pháp “Tiền gửi biến động – Tiền gửi ổn định” đối với tiền gửi không kỳ hạn của dân cư và tổ chức kinh tế nhằm giúp điều hành thanh khoản của ngân hàng sát thực tế hơn.
- Thực hiện Đánh giá lãi lỗ danh mục trái phiếu Chính phủ hiện hành theo phương pháp kế toán; Thay đổi cách tính Giá trị chịu rủi ro (FX) từ phương pháp Phương sai Hiệp phương sai sang phương pháp Mô phỏng lịch sử.

4. Quản lý vận hành

4.1 Hoạt động hỗ trợ tín dụng

Trong năm 2015, dự án tập trung HTTD đã được hoàn thành và chính thức được vận hành với đầy đủ các chức năng & nhiệm vụ. Việc hoàn thành này đã thống nhất mô hình hỗ trợ tín dụng trên toàn hệ thống, nhằm chuyên môn hóa nghiệp vụ quản lý tín dụng, gia tăng năng suất lao động nhờ giảm số lượng nhân sự vận hành hỗ trợ tín dụng được đặt phân tán tại các ĐVKD, đồng thời giảm thiểu rủi ro tín dụng trên cơ sở kiểm soát và quản lý tập trung việc tuân thủ quy trình, quy định của pháp luật và của ABBank, và trên hết nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, giảm chi phí hoạt động và tạo điều kiện cho các ĐVKD tập trung vào mục tiêu kinh doanh. Cụ thể một số chỉ tiêu hoạt động của TT như sau:

- Số lượng giao dịch đạt 99.948; tăng 2,67 lần so với năm 2014.
- Xây dựng và triển khai áp dụng SLA mới của Trung tâm Hỗ trợ tín dụng: giảm 10% so với SLA cũ.
- Xây dựng và triển khai áp dụng SLA cho Hỗ trợ tín dụng tại Chi nhánh.
- Hoàn thành chương trình khảo sát nghiệp vụ Hỗ trợ tín dụng toàn hệ thống.
- Thực hiện thành công chương trình “Trải nghiệm mới – Suy nghĩ mới”.
- Cải tiến hệ thống luân chuyển chứng từ theo hướng gia tăng tiện ích và thân thiện với người dùng.
- Triển khai phần mềm soạn thảo hồ sơ tín dụng.
- Xây dựng sổ tay hỗ trợ tín dụng và đường link tra cứu các văn bản liên quan đến nghiệp vụ Hỗ trợ tín dụng.

4.2 Hoạt động thanh toán trong nước

- Số lượng: đối với VNĐ, đạt 640.005 giao dịch, tăng 28% giao dịch cùng kỳ, đối với USD đạt 3.106 giao dịch tăng 19% so với cùng kỳ.
- Phối hợp TT QLPT & UD hoàn thành phát triển 12 ứng dụng trên T24.
- Phối hợp với Kiểm toán nội bộ kiểm tra tuân thủ Quy trình tại Trung tâm thanh toán.
- Tham gia dự án Phòng chống rửa tiền.
- Thực hiện 05 khóa đào tạo nội bộ tại Trung tâm thanh toán và 06 khóa đào tạo cho các Đơn vị kinh doanh.
- Điều chỉnh Quy trình chuyển tiền trong nước.

4.3 Hoạt động Thanh toán quốc tế

- Số lượng giao dịch: 21.667 giao dịch; tăng 12,70% so với năm 2014.
- Đảm bảo an toàn giao dịch 100%; Tỷ lệ điện chuẩn 99,6%; 100% giao dịch đạt chuẩn thời gian xử lý giao dịch, không có giao dịch bị phản nản.
- Triển khai outsourcing dịch vụ TTQT từ NH Kiên Long Bank. Đây là khách hàng đại lý đầu tiên của ABBANK trong lĩnh vực insource TTQT, giúp nâng cao vị thế và thương hiệu ABBANK trong ngành NH.
- Thực hiện 13 khóa đào tạo TTQT.
- Phối hợp với phòng KTNB thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy trình tại các CN Bắc Ninh, Hoàng Cầu, Bến Thành, Sài Gòn, Vũng Tàu.
- Tự triển khai xây dựng hệ thống luân chuyển chứng từ TTQT, thêm chiều chuyển hồ sơ từ ĐVKD lên TTQT, đảm bảo chứng từ được chuyển an toàn, khoa học.

4.4 Hoạt động hỗ trợ và vận hành thẻ

- Ngoài việc tập trung nguồn lực phục vụ: 351.589 chủ thẻ, 454.858 thẻ các loại, vận hành 167 ATM và 982 POS trên toàn hệ thống (bao gồm 68 máy triển khai EVN), TT Hỗ trợ & Vận hành Thẻ cũng đã hoàn thành và chính thức triển khai một số dự án/công việc trọng điểm của năm trong năm 2015, cụ thể:
- Hoàn thành dự án và chính thức phát hành thẻ Chip theo chuẩn EMV đến Khách hàng, qua đây, toàn bộ thẻ quốc tế Visa của ABBANK sẽ được phát hành theo tiêu chuẩn thẻ Chip EMV, đảm bảo an toàn, bảo mật cho khách hàng khi sử dụng.

- Hoàn thành dự án và chính thức phát hành thẻ Visa Credit Platinum tới Khách hàng.
- Hoàn thiện và phát triển dịch vụ thanh toán tiền điện bằng thẻ Visa: ABBANK là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ thanh toán tiền điện bằng thẻ Visa do tất cả các tổ chức được phép phát hành thẻ Visa phát hành.

4.5 Hoạt động dịch vụ khách hàng

- Hoàn thành dự án nâng cấp tổng đài callcenter của ABBANK.
- Kiện toàn hệ thống quy trình nội bộ: Trong năm 2015, TT đã tập trung vào việc xây dựng và kiện toàn hệ thống quy trình, hướng dẫn nội bộ trung tâm để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng công tác dịch vụ khách hàng tại TT.
- Ngoài các chức năng & nhiệm vụ chính của TT Call Center, hiện tại TT còn tư vấn và hỗ trợ khách hàng trong việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của ABBANK.

5. Tiến độ thực hiện 5 mục tiêu và 20 sáng kiến chiến lược

- *5 mục tiêu chiến lược: tiến độ triển khai, kết quả đến 31/12/2015*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2015	Thực hiện 31/12/2014	Mục tiêu	Đánh giá
1	Tổng tài sản	TTS: 64.662 tỷ ROE (sau thuế): 1,45%	TTS: 67.198 tỷ ROE: 1,8%	Top 10	Chưa đạt
2	Dư nợ bán lẻ (dư nợ KHCN và SME)	Dư nợ bán lẻ: 18.155 tỷ (trong đó cá nhân: 11.232 tỷ và SME: 6.923 tỷ) Tổng dư nợ TT1: 30.915 Tỷ trọng % dư nợ bán lẻ: 58,7%	Dư nợ bán lẻ: 13.719 tỷ (trong đó cá nhân: 8.258 tỷ và SME: 5.461 tỷ) Tổng dư nợ TT1: 25.969 tỷ Tỷ trọng % dư	ít nhất 60%	Đạt
3	Thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động (bao gồm phí bảo lãnh)	Thu nhập thuần dịch vụ: 154,5 tỷ Tổng thu nhập: 1.966,6 tỷ	Thu nhập thuần dịch vụ: 116 tỷ Tổng thu nhập: 1.658,9 tỷ	ít nhất 30%	Chưa đạt
4	Môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện (tỷ lệ nhân viên nghỉ việc)	Tỷ lệ nghỉ việc tự nguyện: 11,9%	Tỷ lệ nghỉ việc tự nguyện: 13,1%		Đạt

5	Quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro an toàn, hiệu quả, chuyên nghiệp	<p>Đã triển khai xây dựng khung QLRR- hoàn thành giai đoạn 1, đồng thời từng bước áp dụng BASEL II theo quy định NHNN.</p> <p>Tỷ lệ nợ xấu (N3-N5)/tổng dư nợ: 1,72%</p> <p>Tỷ lệ nợ xấu (N3-N5)/dư nợ TT1: 2,38%</p>	<p>Tỷ lệ nợ xấu (N3-N5)/tổng dư nợ: 2,75%</p> <p>Tỷ lệ nợ xấu (N3-N5)/dư nợ TT1: 4,51%</p>	Đạt
---	--	---	--	-----

- **20 sáng kiến, giải pháp chiến lược: tiến độ triển khai, kết quả đến 31/12/2015**

Thực hiện kế hoạch tổng thể triển khai các dự án đã được Ban chỉ đạo Dự án thông qua nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn, Sứ mệnh và Mục tiêu chiến lược của ABBANK đến năm 2018, trong năm 2015, 06 dự án chiến lược đã được phân công cho các đơn vị đầu mối triển khai. Như vậy, tính từ 2014 đến 31/12/2015, ABBANK đã triển khai 20 dự án. Tính đến 30/12/2015, đã có 10 dự án hoàn thành 100%; 02 dự án hoàn thành Giai đoạn 1 và đã xin gia hạn thực hiện. Dự kiến đến giữa 2016, 08 dự án còn lại đang triển khai sẽ cơ bản hoàn tất.

6. Quản lý Công nghệ thông tin

6.1. Trung tâm cơ sở hạ tầng và hỗ trợ

- Năm 2015, Trung tâm Cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đã nỗ lực phối hợp với các đơn vị, thực hiện các công tác triển khai mới, nâng cấp, vận hành và bảo trì nhằm đảm bảo hệ thống hạ tầng CNTT hoạt động ổn định, an toàn, nâng cao khả năng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ, hướng dẫn người dùng sử dụng tốt các dịch vụ, thiết bị CNTT của Ngân hàng.
- Công tác hỗ trợ người dùng: Trung tâm đã tiếp nhận và hoàn tất hơn 6.000 yêu cầu hỗ trợ từ các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban. Các yêu cầu đã được Trung tâm tích cực hỗ trợ, với tỉ lệ hoàn thành đúng thời hạn các yêu cầu hỗ trợ cao (đạt ~99%).
- Công tác phát triển mạng lưới, tiếp nhận 25 điểm giao dịch trên toàn hàng. Phối hợp với Khối CLPT, Khối TCKT, cùng các đơn vị yêu cầu đã triển khai hoàn tất 15 điểm đúng theo tiến độ, và đang tiếp tục hỗ trợ 10 điểm giao dịch nằm trong kế hoạch dự kiến.

- Công tác giám sát, quản trị, vận hành hạ tầng máy chủ và hệ thống lưu trữ Corebanking, ứng dụng thẻ và các ứng dụng CNTT khác đảm bảo hệ thống luôn được giám sát chặt chẽ và an toàn. Thường xuyên cập nhật các bản vá, nâng cấp cho máy chủ; đã phát hiện và chặn thư rác, các virus, các phần mềm độc hại; Hướng dẫn và thông báo đến người dùng về các vấn đề bảo mật.
- Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã tổ chức ứng phó rất kịp thời với các lỗi bảo mật được phát hiện bởi NHNN, các tổ chức quốc tế, đảm bảo hệ thống an toàn, ổn định, tuân thủ an toàn bảo mật.
- Trung tâm đã triển khai các dự án trọng tâm trong năm 2015:
 - Dự án bảo trì TTDL Ngân hàng An Bình.
 - Dự án Đầu tư hạ tầng máy chủ phục vụ phát triển ứng dụng ngoài CoreBanking.
 - Dự án Đầu tư hạ tầng Internet Leasedline tại TTDL 36 Hoàng Cầu – HN.
 - Nâng cấp tổng đài CSKH (Call Center).
 - Dự án “Đánh giá, Tư vấn và cấp chứng chỉ PCI DSS”: hoàn thành 90% tiến độ của dự án. Dự kiến hoàn thành Quý I năm 2016.

Một số dự án quan trọng, Trung tâm triển khai vào Quý IV/2015, dự kiến hoàn thành vào Quý I/2016:

- Hệ thống thu thập log - giám sát an ninh thông tin: hoàn thành 60%.
- Quản trị internet tập trung: hoàn thành 60%.
- Gia hạn bản quyền và bảo trì thiết bị tường lửa Checkpoint tại TTDL 36 Hoàng Cầu – HN: hoàn thành 50%.
- Nâng cấp hệ thống máy chủ phục vụ dịch vụ Thẻ tại TTDL: hoàn thành 45%.

6.2 Trung tâm phát triển và quản lý ứng dụng

- Trong năm 2015, Trung tâm đã phối hợp chặt chẽ với các Khối/Trung tâm nghiệp vụ hoàn thành 100% dự án phát triển ứng dụng – trên 300 dự án phát triển ứng dụng (bao gồm cả các dự án phát sinh nằm ngoài kế hoạch ban đầu).
- Một số dự án quan trọng đã được Trung tâm thực hiện trong năm 2015:
 - Dự án thu thuế điện tử

- Dự án thu nợ quá hạn tự động
- Các dự án phát triển Chương trình khuyến mại về huy động và dư nợ phục vụ cho công tác kinh doanh của Ngân hàng
- Dự án phát triển hệ thống báo cáo nội bộ, chi nhánh, Hội sở (Là một trong 20 dự án sáng kiến chiến lược của ABBANK)
- Dự án FTP
- Cài đặt cảnh báo tài khoản khách hàng bị cưỡng chế thuế
- Dự án cho phép tài khoản thấu chi được phép thực hiện thấu chi trên các dịch vụ của Online Banking
- Dự án thanh toán tiền điện bằng thẻ tín dụng trên hệ thống Online Banking
- Dự án C-Value
- Dự án chuyển khoản ra ngoài hệ thống ABBANK theo lô

7. Tài chính kế toán

Trong năm 2015, Khối TCKT đã hoàn thành dự án Tập trung hạch toán kế toán và kiểm soát định mức chi phí với thay đổi trọng tâm của dự án là toàn bộ công tác kế toán nội bộ, kiểm soát và mua sắm đều được thực hiện tập trung cho toàn bộ hệ thống tại Khối TCKT- HO.

Với việc hoàn thành này, các CN/PGD trên toàn hệ thống sẽ không còn thực hiện các công việc dịch vụ nội bộ như: kế toán chi tiêu, báo cáo, mua sắm và hành chính nhân sự, từ đây có thể toàn lực tập trung vào việc phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, việc tập trung hóa này sẽ đảm bảo toàn bộ các chi phí hoạt động sẽ được hạch toán vào hệ thống Corebanking, và đảm bảo tiết kiệm chi phí mua sắm thông qua việc tập trung mua sắm tại Khối TCKT-HO.

III. KẾT QUẢ VỀ HỌC TẬP – PHÁT TRIỂN

1. Số liệu chung về Quản lý nguồn nhân lực

Tính đến 31/12/ 2015, tổng số lượng nhân sự của ABBANK là 2.796 CBNV, tăng 5,79% so với năm 2014. Với định hướng xây dựng đội ngũ có đạo đức nghề nghiệp, cam kết và năng suất lao động cao, các hoạt động năm 2015 đều tập trung phát triển yếu tố con người.

2. Các hoạt động chính đã triển khai trong năm 2015

- Quản lý nhân sự và dịch vụ nhân sự

- Thực hiện chương trình đánh giá Đơn vị và cá nhân 6 tháng đầu năm 2015 và cuối năm 2015 cho cá nhân và Đơn vị toàn hàng.
- Triển khai chương trình ABBANK Star 2015: Thúc đẩy sáng tạo và nỗ lực vượt bậc, tôn vinh cá nhân và tập thể xuất sắc hàng tháng.
- Thực hiện khảo sát toàn Ngân hàng về mức độ cam kết và tin tưởng vào ABBANK của CBNV. Sơ lược, có đến 90,2% ABBANKers tin tưởng vào môi trường làm việc tại ABBANK sẽ ngày càng chuyên nghiệp; 91,8% ABBANKers Tin tưởng vào Ban lãnh đạo cấp cao của ABBANK; 94,3% ABBANKers Luôn tự hào là một ABBANKer; và 91,9 % ABBANKers Mong muốn gắn bó lâu dài tại ABBANK
- Ban hành khung năng lực cốt lõi cho các vị trí chủ chốt: Là cơ sở quan trọng cho quản trị nhân sự hiện đại.
- Thiết kế các KPIs cơ bản cho Ngân hàng, Ban lãnh đạo và các vị trí chủ chốt.
- Quản lý dịch vụ nhân sự qua SLA toàn bộ các tác nghiệp nhân sự chủ yếu để nâng cao chất lượng dịch vụ thường xuyên.
- Tổ chức chương trình Thi tâm sáng – nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.
- Lần đầu tiên xây dựng kế hoạch kế nhiệm cho vị trí lãnh đạo chủ chốt: Ban Điều hành.

- Lương và Chế độ đãi ngộ

- Thực hiện quản lý quỹ lương kinh doanh và tiến hành chi tạm ứng lương/ thưởng kinh doanh cho các Đơn vị hàng quý.
- Chính sửa và ban hành mới Quy chế tiền lương và chế độ đãi ngộ kèm hướng dẫn thực hiện.
- Xây dựng Quy chế Thi đua khen thưởng tại ABBANK để làm cơ sở cho công tác khen thưởng CBNV và Đơn vị có thành tích lao động tốt.
- Nghiên cứu phương án khoán lương thí điểm cho các Đơn vị.
- Bắt đầu thiết kế và phê duyệt chương trình ABBANK CARE: Dành quan tâm và thêm đãi ngộ cho CBNV và gia đình của CBNV.

- Tuyển dụng

- Thực hiện phân công phụ trách kinh doanh KHCN và KHDN cho Ban giám đốc các chi nhánh toàn hàng.
 - Hoàn thành chuyển đổi cơ cấu tổ chức của Khối TCKT.
 - Hoàn thành việc sắp xếp lại vị trí TBP/ KSV tại Hội sở góp phần nâng cao năng suất lao động.
 - Phối hợp với Khối KHCN và KHDN thực hiện phân cấp QHKH.
- **Đào tạo**
- Hoàn thành Chương trình phát triển Giám đốc chi nhánh kế cận: Tìm kiếm, đào tạo và phát triển những cán bộ chủ chốt, kế cận cho vị trí Giám đốc chi nhánh.
 - Xây dựng và triển khai các Chương trình đào tạo chức danh: Hệ thống hóa và chuẩn hóa việc đào tạo theo khung năng lực cho 1 số chức danh cơ bản tại Đơn vị kinh doanh.
 - Đào tạo trực tuyến – (E – Learning): Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo cơ bản thông qua phần mềm trực tuyến.
 - Thiết kế chương trình Talent Pool và Tuyển chọn nhân sự cho Chương trình Talent Pool.
 - Tổ chức nhiều hình thức để phát triển đội ngũ Giảng viên Nội bộ có năng lực.
- 3. Đánh giá các kết quả chính**
- **Kết quả 1 – Đổi mới cách tiếp cận trong cách thức tác nghiệp** bằng việc coi trọng chất lượng dịch vụ nhân sự. Khối QTNNL đã quản lý toàn bộ các yêu cầu về dịch vụ nhân sự qua HR Supports. Khối QTNNL là Khối đầu tiên (sau đơn vị CNTT) áp dụng SLA trong quản lý dịch vụ nhân sự toàn bộ các tác nghiệp.
 - **Kết quả 2 – Nâng cao năng lực quản trị nguồn nhân lực** thông qua việc thiết kế và ban hành công cụ quản trị nhân sự quan trọng nhất là “Khung năng lực ABBANK”.
 - **Kết quả 3 – Thực hiện các sáng kiến và giải pháp hiệu quả trong việc phát triển đội ngũ nhân sự tiềm năng và kế cận**, hướng tới phát triển ABBANK bền vững như: xây dựng đội ngũ kế cận Giám đốc Chi nhánh, chương trình Talent Pool, ABBANK CARE.

